

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: **3712**/UBND-CN

V/v Kế hoạch đầu tư công
năm 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày 12 tháng 8 năm 2020

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 5006/BKHĐT-TH ngày 04/8/2019 và Văn bản số 5085/BKHĐT-TH ngày 07/8/2020 về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2021; UBND tỉnh xây dựng Báo cáo kế hoạch đầu tư công năm 2021 của tỉnh như thảo kèm theo.

UBND tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh cho ý kiến đối với dự thảo Báo cáo kế hoạch đầu tư công năm 2021 của tỉnh trước ngày 15/8/2020 để trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính theo đúng thời hạn quy định (trước ngày 15/8/2020).

Do thời gian yêu cầu cấp bách nên trường hợp không thông qua được HĐND tỉnh thì đề nghị Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến trước để UBND tỉnh kịp trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính; UBND tỉnh sẽ báo cáo nội dung kế hoạch đầu tư công năm 2021 của tỉnh cho HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hưng

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 1243/SKH-TH
V/v trình, thông qua dự thảo Kế
hoạch đầu tư công năm 2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 12 tháng 8 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 5006/BKHĐT-TH ngày 4/8/2020 và Văn bản số 5085/BKHĐT-TH ngày 07/8/2020;

Căn cứ quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6/4/2020 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; căn cứ đề xuất của các Sở, Ngành, địa phương và ý kiến kết luận của UBND tỉnh tại buổi làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư ngày 10/8/2020;

Sở Kế hoạch và Đầu tư đã bổ sung, hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2021 của tỉnh (có văn bản dự thảo và hệ thống biểu mẫu kèm theo).

Sở Kế hoạch và Đầu tư kính trình UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh thông qua trước khi báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 15/8/2020./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban KTNS-HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

GIÁM ĐỐC *AT*



Trương Chí Trung

Số: /BC-UBND

Quảng Trị, ngày tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

Thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 5006/BKHĐT-TH ngày 4/8/2020 về xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2021; UBND tỉnh Quảng Trị xây dựng Báo cáo kế hoạch đầu tư công năm 2021 của tỉnh như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020

1. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công 2020:

Tính đến ngày 30/7/2020, tổng giá trị giải ngân các nguồn vốn đầu tư công do tỉnh quản lý là 1.041,724 tỷ đồng, đạt 28,4% so với kế hoạch được giao; trong đó: ngân sách địa phương cân đối là 433,608 tỷ đồng, đạt 27,3%; Trung ương hỗ trợ có mục tiêu là 417,237 tỷ đồng, đạt 24,7%; Chương trình mục tiêu quốc gia là 190,879 tỷ đồng, đạt 48%.

Dự kiến giải ngân đến 30/9/2020, tổng giá trị giải ngân các nguồn vốn đầu tư công do tỉnh quản lý là 2.271,365 tỷ đồng, đạt 61,8% so với kế hoạch được giao; trong đó: ngân sách địa phương cân đối là 1.152,37 tỷ đồng, đạt 72,5%; Trung ương hỗ trợ có mục tiêu là 873,392 tỷ đồng, đạt 51,8% (trong đó: vốn trong nước giải ngân 371,931 tỷ đồng, đạt 70%; vốn nước ngoài giải ngân 501,46 tỷ đồng, đạt 43,4%); Chương trình mục tiêu quốc gia là 245,603 tỷ đồng, đạt 61,7%.

2. Tình hình giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020 của từng dự án.

* Ngày 29/11/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1706/QĐ-TTg về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020; Theo đó, vốn ngân sách nhà nước năm 2020 của tỉnh Quảng Trị được giao **3.223,953 tỷ đồng**, cụ thể:

- **Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương:** 1.139,1 tỷ đồng; trong đó: ngân sách cân đối theo tiêu chí là 415,1 tỷ đồng; Đầu tư nguồn thu sử dụng đất là 500 tỷ đồng; Đầu tư từ nguồn thu XSKT là 40 tỷ đồng; Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương là 184 tỷ đồng;

- **Vốn ngân sách Trung ương:** 2.084,853 tỷ đồng, cụ thể:

+ **Vốn trong nước:** 795,593 tỷ đồng; trong đó: (1) **Vốn chương trình MTQG** là 264,622 tỷ đồng¹; (2) **Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực, chương trình mục tiêu** (bao gồm các dự án thuộc danh mục dự kiến sử dụng nguồn vốn dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và danh mục dự án tại các phụ lục kèm theo Nghị quyết số 797/NQ-UBTVQH ngày 24/10/2019) và các khoản chi cụ thể là 531,331 tỷ đồng;

+ **Vốn nước ngoài:** 1.288,9 tỷ đồng².

* Tỉnh Quảng Trị đã thực hiện phân bổ vốn ngân sách nhà nước năm 2020 với tổng số vốn **3.673,953 tỷ đồng**, bằng 114% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (địa phương giao tăng 450 tỷ đồng từ nguồn thu sử dụng đất là 420 tỷ đồng và NSDP hỗ trợ xây dựng nông thôn mới là 30 tỷ đồng) cụ thể như sau:

- **Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương:** 1.589,1 tỷ đồng bố trí tại Quyết định số 3536/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 và Quyết định số 3770/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 phân bổ và giao kế hoạch 2020, cụ thể:

(1) Đầu tư cân đối theo tiêu chí 415,1 tỷ đồng, chiếm 26,1% tổng vốn;

(2) Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất 920 tỷ đồng, chiếm 57,9% tổng vốn;

(3) Xổ số kiến thiết 40 tỷ đồng, chiếm 2,5% tổng vốn;

(4) Bội chi ngân sách địa phương 184 tỷ đồng, chiếm 11,6% tổng vốn;

(5) NSDP thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 30 tỷ đồng, chiếm 1,9% tổng vốn.

- **Vốn ngân sách Trung ương:** 2.084,853 tỷ đồng, cụ thể:

(1) **Vốn Chương trình MTQG:** phân bổ 397,755 tỷ đồng, bao gồm 133,133 tỷ đồng vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước; cụ thể:

+ Tại Quyết định số 3702/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 về việc giao chi tiết dự toán chi ngân sách Trung ương thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững kế hoạch 2020 là 98,735 tỷ đồng;

+ Tại Quyết định số 3770/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 về việc phân bổ kế hoạch vốn ĐTP thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020 là 299,02 tỷ đồng;

(2) **Vốn Trung ương hỗ trợ mục tiêu (vốn trong nước):** được phân bổ 531,331 tỷ đồng, trong đó hoàn trả ứng trước ngân sách Trung ương 31,757 tỷ đồng; cụ thể:

+ Tại Quyết định số 3707/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 về việc phân bổ kế hoạch vốn ĐTP nguồn vốn NSTW năm 2020 là 384,838 tỷ đồng;

¹ Trong đó: CTMTQG giảm nghèo bền vững 65,602 tỷ đồng và CTMTQG xây dựng nông thôn mới 199,02 tỷ đồng

² Trong đó: (1) Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững 33,133 tỷ đồng; (2) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 100 tỷ đồng; (3) Chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh 146,539 tỷ đồng.

+ Tại Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 9/1/2020 về việc phân bổ kế hoạch đầu tư vốn NSNN Chương trình Biển đông – Hải đảo đảm bảo cho lĩnh vực quốc phòng an ninh trên biển và hải đảo năm 2020 là 20,562 triệu đồng;

+ Tại Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 (thay thế Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 26/6/2020) về việc phân bổ vốn ĐTPT nguồn vốn NSTW năm 2020 (đợt 2) là 85 tỷ đồng;

+ Tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 về việc phân bổ vốn ĐTPT nguồn vốn NSTW năm 2020 (đợt 3) là 40,931 tỷ đồng.

(3) Vốn Trung ương hỗ trợ mục tiêu (vốn nước ngoài): được phân bổ 1.155,767 tỷ đồng (không bao gồm các CTMTQG), trong đó: vốn ODA và vốn vay của các nhà tài trợ nước ngoài là 1.009,228 tỷ đồng và giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước là 146,539 tỷ đồng tại Quyết định số 3707/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 về việc phân bổ kế hoạch vốn ĐTPT nguồn vốn NSTW năm 2020.

3. Các giải pháp đã triển khai thực hiện để thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2020:

Nhằm gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân, xem đây là căn cứ quan trọng đánh giá mức độ hoàn thành công việc được giao trong năm 2020, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2896/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 sửa đổi, bổ sung các Bộ chỉ số cải cách hành chính tại Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về ban hành các Bộ Chỉ số cải cách hành chính và Quy định đánh giá, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; theo đó tại Mục 6.2 đã bổ sung tiêu chí “*Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN hàng năm*”.

Ngày 23/7/2020, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 41/NQ-HĐND về thực hiện kế hoạch đầu tư XDCB 6 tháng cuối năm 2020 đã quy định: kiên quyết thực hiện điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công sử dụng nguồn vốn ngân sách đầu tư trong cân đối theo tiêu chí đối với các công trình, dự án đến hết ngày 30/9/2020 giải ngân dưới 60% vốn kế hoạch được giao và đến hết ngày 15/11/2020 giải ngân dưới 85% vốn kế hoạch được giao; điều chuyển kế hoạch vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ mục tiêu đối với các dự án đến hết ngày 15/9/2020 có tỷ lệ giải ngân dưới 60% kế hoạch vốn được giao.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức giao ban XDCB định kỳ hàng tháng với các Sở, Ban ngành cấp tỉnh, các địa phương và các BQL Dự án ĐT XD nhằm đánh giá tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công để kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền chỉ đạo tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, phấn đấu hoàn thành 100% kế hoạch vốn đầu tư công được giao. Tại các Hội nghị giao ban đều quán triệt các chủ đầu tư: (1) Tăng cường đôn đốc, kiểm tra, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện theo mức vốn kế hoạch được giao; quyết tâm giải ngân hết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020; (2) Chủ động phối hợp với các cơ quan, địa phương để tháo gỡ vướng mắc liên quan đến giải phóng mặt bằng; (3) Chủ động đề xuất với cấp có thẩm quyền việc điều chuyển kế hoạch vốn được giao nếu dự báo các

dự án không có khả năng giải ngân theo đúng tiến độ thời gian đã cam kết; (4) Chỉ thực hiện khối lượng công việc trong phạm vi kế hoạch vốn đã phân bổ; (5) Tăng cường kiểm tra và giám sát chặt chẽ hoạt động đấu thầu, xây lắp, thi công công trình để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý và đề xuất xử lý những tồn tại hoặc hành vi trái quy định. Tập trung thực hiện các công trình, gói thầu đang thi công dở dang và chỉ khởi công các gói thầu của các công trình chuyên tiếp phù hợp theo mức vốn kế hoạch được giao để không làm phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản; (6) Đôn đốc nhà thầu huy động máy móc, nhân công để triển khai hợp đồng theo tiến độ; kịp thời giải quyết, tháo gỡ dứt điểm những vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ động theo dõi chặt chẽ tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 bao gồm cả nguồn vốn kế hoạch đầu tư công năm 2019 kéo dài sang thanh toán năm 2020. Kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch vốn của những dự án có tiến độ giải ngân chậm để bổ sung cho những dự án cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện, tránh việc phải điều chỉnh kế hoạch vốn dồn vào cuối năm, ảnh hưởng tới tiến độ giải ngân chung của toàn tỉnh.

Giao Sở Tài chính quyết liệt chỉ đạo và đôn đốc các đơn vị, địa phương khẩn trương lập hồ sơ quyết toán các dự án đã hoàn thành đảm bảo thời gian quy định của Chính phủ và Bộ Tài chính. Đẩy nhanh tiến độ thẩm tra, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán các dự án hoàn thành theo quy định. Tập trung rà soát thủ tục giải ngân nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư thanh, quyết toán vốn đầu tư công đã được giao vốn.

4. Tình hình huy động các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác phục vụ cho đầu tư phát triển.

Nhiệm vụ cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tiếp tục được lãnh đạo tỉnh đặc biệt quan tâm chỉ đạo. Các cấp, các ngành tập trung mọi nỗ lực để tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án triển khai thực hiện đúng tiến độ đã cam kết, nhất là đối với 30 dự án khởi công nhân kỷ niệm 30 năm lập lại tỉnh. Tuy nhiên, nhìn chung tiến độ thực hiện một số dự án đầu tư khá chậm, ngoài nguyên nhân do đại dịch bệnh Covid 19 gây ra, các nguyên nhân đáng kể đó là do vướng mắc trong đền bù, giải tỏa, giải phóng mặt bằng; thủ tục đầu tư một số dự án chưa hoàn thành, kể cả các dự án đã khởi công nhưng các thủ tục để đất đai, môi trường, chuyển đổi đất rừng, cấp phép xây dựng nhà đầu tư vẫn chưa hoàn thành. Chỉ có một số dự án về lĩnh vực năng lượng như thủy điện, điện gió, điện mặt trời, kho cảng, chế biến gỗ được các nhà đầu tư triển khai bảo đảm tiến độ; trong đó, có các nhà máy điện gió Hướng Tân, Tân Linh, Hướng Phùng 2, Hướng Phùng 3,... đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, thực hiện ký quỹ đảm bảo đầu tư, hợp đồng mua thiết bị để lắp đặt, đầu tư các hạng mục phụ trợ.

Từ đầu năm đến nay, đã có thêm 34 dự án được cấp chủ trương đầu tư với tổng vốn đăng ký đầu tư là 5.130 tỷ đồng. Một số dự án có quy mô đầu tư khá lớn như Trung tâm phân phối hàng hóa Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị với tổng mức đầu tư hơn 2000 tỷ đồng; Khu đô thị - dịch vụ - du lịch Gio Hải với tổng mức

đầu tư 1.657 tỷ đồng, Apec Mandala Grand Cửa Việt với tổng mức đầu tư 500 tỷ đồng, Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Giang Hải với tổng mức đầu tư 200 tỷ đồng... Bên cạnh đó, đã thu hút được 25 khoản viện trợ NGO mới với tổng giá trị cam kết viện trợ đạt trên 6,7 triệu USD, trong đó có 19 dự án đã được phê duyệt tiếp nhận với tổng vốn là 4,98 triệu USD. Dự kiến 2020 thu hút đầu tư từ nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác đạt khoảng 12.000-15.000 tỷ đồng, vốn đầu tư thực hiện ước đạt 8.000-10.000 tỷ đồng.

5. Khó khăn, vướng mắc thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2020:

Quảng Trị là một tỉnh khó khăn, nguồn lực đầu tư chủ yếu dựa vào sự hỗ trợ từ Ngân sách Trung ương. Tuy nhiên, đến nay số vốn được phân bổ thực tế so với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được Trung ương giao cho tỉnh còn thiếu 885,767 tỷ đồng³. Năm 2020 là năm cuối cùng của kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh nên rất nhiều các mục tiêu, nhiệm vụ được tỉnh quyết liệt chỉ đạo thực hiện; đặc biệt là các dự án đầu tư quan trọng, có tính chất cấp bách được tỉnh xác định từ đầu kỳ kế hoạch; việc thiếu hụt nguồn lực đầu tư công so với kế hoạch đã được giao làm ảnh hưởng rất lớn đến kết quả thực hiện của địa phương, nhiều công trình, dự án không thể hoàn thành dứt điểm trong giai đoạn 2016-2020 mà phải chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025 vừa không đạt hiệu quả đầu tư như mục tiêu đề ra, vừa là gánh nặng ngân sách cho giai đoạn sau.

Kế hoạch vốn được giao tăng so với các năm trước, áp lực giải ngân kế hoạch vốn kéo dài, chuyển nguồn từ năm trước sang rất lớn và khối lượng công việc phải thực hiện hoàn thành trong năm 2020 rất nhiều. Mặt khác, đây là thời điểm tập trung cao độ cho nhiều nhiệm vụ chính trị quan trọng nên cũng chi phối đến tình hình, tiến độ thực hiện và giải ngân vốn các công trình, dự án được giao trong kế hoạch năm 2020.

Tình hình dịch bệnh COVID-19 làm cho nhiều doanh nghiệp không thể huy động đủ nhân công làm việc hoặc công trình không thể tiếp tục thi công.

Công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư vẫn còn chậm do vướng mắc về cơ chế, chính sách, người dân chưa đồng thuận, khiếu kiện về chính sách đền bù, yêu cầu xác định giá bồi thường sát giá thị trường. Một số dự án ODA phát sinh chi phí giải phóng mặt bằng trong quá trình thực hiện và phân phát sinh thuộc nhiệm vụ cân đối, bố trí của ngân sách địa phương. Trong điều kiện ngân sách rất khó khăn, không thể cân đối, bố trí kịp thời theo nhu cầu của dự án dẫn đến tiến độ giải phóng mặt bằng bị chậm trễ. Mặt khác, hạng mục giải phóng mặt bằng của một số dự án do UBND các huyện chịu trách nhiệm bố trí vốn từ nguồn ngân sách

³ Kế hoạch vốn NSDP cân đối theo tiêu chí giai đoạn 2016 - 2020 được TW giao là 1.986,306 tỷ đồng nhưng mới được phân bổ là 1.917,82 tỷ đồng, bằng 97% (thiếu 68,486 tỷ đồng); Kế hoạch vốn TW hỗ trợ mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020 được TW giao là 3.201,997 tỷ đồng nhưng mới được phân bổ là 2.473,731 tỷ đồng, bằng 87% so với tổng vốn kế hoạch được TW giao ban đầu (thiếu 365,069 tỷ đồng) và bằng 77% so với tổng vốn kế hoạch được Trung ương giao gồm kế hoạch bổ sung (thiếu 728,266 tỷ đồng); Kế hoạch vốn TPCP giai đoạn 2016-2020 được TW giao là 900 tỷ đồng; đến nay được phân bổ là 887 tỷ đồng, bằng 99% (thiếu 13 tỷ đồng); Kế hoạch vốn nước ngoài (các dự án ODA) giai đoạn 2016-2020 được TW giao là 2.942,147 tỷ đồng nhưng đến nay mới được phân bổ 2.866,132 tỷ đồng, bằng 97% (thiếu 76,015 tỷ đồng).

được phân cấp để triển khai nhưng do điều kiện địa phương khó khăn, không thể cân đối để bố trí cho dự án đã làm ảnh hưởng đến tiến độ trao thầu và triển khai thi công.

Ngày 14/8/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 68/2019/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và có hiệu lực từ ngày 01/10/2019 để thay thế cho Nghị định 32/2015/NĐ-CP. Qua 9 tháng triển khai thực hiện, tuy đạt được những kết quả bước đầu nhưng còn một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo các quy định mới, làm ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ thực hiện và giải ngân một số công trình, dự án, nhất là các công trình xây dựng chuyên ngành.

Cơ chế, thủ tục quản lý, thực hiện, thanh toán của các nhà tài trợ đối với một số các dự án ODA rất phức tạp làm cho các chủ đầu tư dự án bị động, lúng túng trong triển khai thực hiện và giải ngân nguồn vốn được giao; cụ thể:

+ Theo Hiệp định vay đã ký kết, hạng mục cung cấp vật tư, thiết bị do Bộ Tài chính chủ trì thực hiện nhưng đến nay vẫn chưa được Bộ Tài chính cung cấp để lắp đặt, vận hành công trình đã làm ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ hoàn thành, hiệu quả đầu tư của dự án (Hệ thống cấp nước xã Vĩnh Long - Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh và Hệ thống cấp nước xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng). Mặc dù, UBND tỉnh Quảng Trị đã có nhiều văn bản⁴ báo cáo, kiến nghị Bộ Tài chính cho phép tái cấu trúc nguồn vốn, sử dụng vốn đối ứng được cấp và huy động sự đóng góp của người hưởng lợi để mua sắm vật tư hàng hóa, đảm bảo xây dựng hoàn thành nhà máy nhưng vẫn chưa được Bộ Tài chính thống nhất.

+ Thủ tục trình nhà tài trợ cho ý kiến không phản đối mất rất nhiều thời gian, hồ sơ mời thầu, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu, hợp đồng xây lắp,... phải được nhà tài trợ thông qua trước khi Chủ đầu tư ký kết hợp đồng với nhà thầu⁵. Vì vậy, thời gian thực hiện bị kéo dài, kế hoạch vốn được giao không thể giải ngân theo tiến độ của dự án.

+ Một số dự án đã được bố trí kế hoạch vốn nước ngoài phân cấp phát từ NSTW trong KH 2020 nhưng do chưa hoàn tất thủ tục thẩm định khả năng vay, trả nợ của địa phương tại Bộ Tài chính nên Hợp đồng vay lại của dự án chưa được ký kết. Phần vốn địa phương vay lại chưa được giao trong KH 2020 nên không thể giải ngân được phần vốn nước ngoài cấp phát cho dự án⁶.

+ Hồ sơ rút vốn của một số dự án do BQL dự án Trung ương chủ trì tổng hợp trình Bộ Tài chính để giải ngân, không ủy quyền cho Chủ đầu tư tại địa phương thực hiện. Tuy nhiên hướng dẫn về thủ tục rút vốn từ BQL dự án TW chưa đầy đủ, hồ sơ trình qua nhiều cấp trung gian nên mất nhiều thời gian, chậm

⁴ Số 1601/UBND-CN ngày 24/04/2016, số 2735/UBND-CN ngày 23/6/2017, số 2349/UBND-CN ngày 29/5/2020, số 2349/UBND-CN ngày 29/5/2020

⁵ Dự án Nâng cấp cơ sở vật chất ngành y tế do Italia tài trợ.

⁶ Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, giai đoạn 2; Tiêu dự án Cầu kết nối Khu đô thị Bắc Sông Hiếu với Trung tâm TP Đông Hà thuộc Dự án Phát triển Phát triển đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông

trễ, không kịp thời nên tiến độ giải ngân bị ảnh hưởng rất lớn⁷. Một số dự án gặp vướng mắc do thay đổi cơ chế giải ngân, Bộ GD&ĐT và các địa phương tham gia dự án đã báo cáo Bộ Tài chính tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham mưu điều chỉnh Quyết định giao vốn theo cơ chế tài chính trong nước để các địa phương triển khai thực hiện Chương trình⁸.

Trong thời gian qua, có nhiều Sở, Ngành, địa phương đề xuất lãnh đạo tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án trong giai đoạn 2021-2025. Tuy nhiên, do Trung ương chưa ban hành quy định về nguyên tắc tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước cũng như chưa thông báo số kiểm tra kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho tỉnh nên chưa có cơ sở để thực hiện các thủ tục về phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án để kịp đưa vào kế hoạch năm 2021 và giai đoạn 2021-2025.

6. Các giải pháp nhằm thực hiện hoàn thành kế hoạch đầu tư công trong những tháng cuối năm 2020:

Quán triệt tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 623/TTg-KTTH ngày 26/5/2020 về việc tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2020, xác định việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm năm 2020 nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, góp phần thực hiện hoàn thành ở mức cao nhất các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội năm 2020 trong bối cảnh đại dịch Covid-19; quyết tâm giải ngân hết số vốn đầu tư công được giao kế hoạch năm 2020 (kể cả số vốn các năm trước được chuyển nguồn sang). Do vậy, trong những tháng cuối năm 2020 cần tập trung thực hiện đồng bộ và hiệu quả các giải pháp chủ yếu cụ thể như sau:

Ủy ban nhân dân tỉnh: Thực hiện chỉ đạo quyết liệt và nghiêm túc kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm và có chế tài xử lý vi phạm đối với các đơn vị, địa phương và cá nhân trong việc: (1) Phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng quy định và khi chưa xác định được nguồn vốn cũng như khả năng cân đối vốn; (2) Quyết định đầu tư khi chưa được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc không đúng với chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định; (3) Quản lý và thực hiện không tốt để làm phát sinh nợ đọng XDCB; (4) Tổ chức lựa chọn nhà thầu không đúng với quy định pháp luật hiện hành; (5) Không giải ngân hết kế hoạch vốn năm 2020 được giao.

Các đơn vị, chủ đầu tư được giao kế hoạch vốn năm 2020: (1) Tăng cường đôn đốc, kiểm tra, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện theo mức vốn kế hoạch

⁷ Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Quảng Trị

⁸ Năm 2019, Chương trình phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2 được Thủ tướng Chính phủ giao vốn nước ngoài nguồn NSTW theo cơ chế tài chính trong nước, Chương trình triển khai thuận lợi. Tuy nhiên, kế hoạch vốn nước ngoài năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1706/QĐ-TTg ngày 29/11/2019 nhưng không có nội dung bố trí dự toán giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước. Theo quy định, toàn bộ Chương trình phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2 thực hiện theo cơ chế tài chính trong nước nhưng năm 2020 không được giao dự toán giải ngân theo cơ chế giải ngân trong nước nên Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương không thể triển khai thực hiện Chương trình.

được giao; quyết tâm giải ngân hết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020. Chủ động đề xuất với cấp có thẩm quyền việc điều chuyển kế hoạch vốn được giao nếu các dự án không có khả năng giải ngân theo đúng tiến độ thời gian đã cam kết. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo điều hành để công tác giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh có chuyển biến tích cực hơn. (2) Tuyệt đối không yêu cầu doanh nghiệp ứng vốn thực hiện chuẩn bị đầu tư, thi công dự án khi chưa được bố trí vốn. Chỉ thực hiện khối lượng công việc trong phạm vi kế hoạch vốn đã phân bổ. Nghiêm cấm việc để xảy ra tình trạng phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản. (3) Tăng cường kiểm tra, thanh tra và giám sát chặt chẽ hoạt động đấu thầu, xây lắp, thi công công trình để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý và đề xuất xử lý những tồn tại hoặc hành vi trái quy định. Chỉ tiến hành công tác đấu thầu sau khi công tác đền bù, giải phóng mặt bằng đã cơ bản hoàn thành và có nguồn vốn đầu tư để hạn chế tối đa nợ tồn đọng đối với các nhà thầu. Tập trung thực hiện các công trình, gói thầu đang thi công dở dang và chỉ khởi công các gói thầu của các công trình chuyển tiếp phù hợp theo mức vốn kế hoạch được giao để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản. (4) Đôn đốc nhà thầu huy động máy móc, nhân công để triển khai hợp đồng theo tiến độ. Phối hợp giải quyết, tháo gỡ dứt điểm những vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2020. Tập trung thực hiện nghiêm thu khối lượng theo tiến độ hợp đồng và khẩn trương hoàn thiện hồ sơ; thủ tục thanh toán với Kho bạc Nhà nước ngay khi có khối lượng được nghiệm thu, không dồn vốn vào cuối năm mới thanh toán. Đối với các dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng, phải khẩn trương hoàn thành thủ tục phê duyệt quyết toán, giải ngân vốn cho các nhà thầu theo hợp đồng. (5) Cập nhật, báo cáo định kỳ tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu, tình hình thực hiện, giải ngân, nhu cầu vốn và các thông tin, dữ liệu của dự án đầu tư công do mình quản lý trên Hệ thống thông tin trực tuyến về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước theo đúng các quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BKHĐT ngày 25/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quy định chế độ báo cáo việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công. (6) Thủ trưởng các đơn vị chủ đầu tư, các Ban Quản lý dự án chịu trách nhiệm về tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công do đơn vị làm chủ đầu tư; nghiêm túc kiểm điểm, làm rõ nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn được giao đạt thấp; kịp thời rút kinh nghiệm, khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế, yếu kém trong quá trình quản lý, thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công. Người đứng đầu cấp ủy tại các sở, ngành, địa phương, các ban quản lý dự án nêu đến 31/12/2020 không giải ngân hết kế hoạch vốn được giao, không có lý do khách quan sẽ phải tổ chức kiểm điểm và chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh.

Sở Kế hoạch và Đầu tư: (1) Tổ chức giao ban định kỳ về tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công để kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền chỉ đạo tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc nhằm hoàn thành 100% kế hoạch vốn đầu tư công được giao. (2) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức rà soát lại Kế hoạch đầu tư công năm 2020 đã giao; trường hợp có nội dung chưa phù hợp, đề xuất cấp có thẩm quyền đình chính và điều chỉnh theo đúng quy định. (3) Chủ động và theo dõi chặt chẽ tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020

bao gồm cả nguồn vốn kế hoạch đầu tư công năm 2019 kéo dài sang thanh toán năm 2020. Kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch vốn của những dự án có tiến độ giải ngân chậm để bổ sung cho những dự án cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện, tránh việc phải điều chỉnh kế hoạch vốn dồn vào cuối năm, ảnh hưởng tới tiến độ giải ngân chung của toàn tỉnh. (4) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện nghiêm túc việc điều chuyển kế hoạch vốn năm 2020 tại các mốc thời gian theo đúng các quy định của Chính phủ và HĐND tỉnh. (5) Thực hiện và theo dõi, hướng dẫn các đơn vị, địa phương cập nhật thông tin các dự án trên Hệ thống thông tin về giám sát và đánh giá đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn nhà nước.

Sở Tài chính: Quyết liệt chỉ đạo và đôn đốc các đơn vị, địa phương khẩn trương lập hồ sơ quyết toán các dự án đã hoàn thành đảm bảo thời gian quy định của Chính phủ và Bộ Tài chính. Đẩy nhanh tiến độ thẩm tra, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán các dự án hoàn thành theo quy định. Tập trung rà soát thủ tục giải ngân nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư thanh, quyết toán vốn đầu tư công đã được giao vốn.

Kho bạc Nhà nước tỉnh: (1) Chủ động, đôn đốc các chủ đầu tư, ban quản lý dự án khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, thủ tục thanh toán ngay khi có khối lượng được nghiệm thu, không dồn vào cuối năm. Đồng thời, căn cứ vào quyết định của cấp có thẩm quyền, đôn đốc các chủ đầu tư thu hồi vốn ứng trước, vốn tạm ứng. Rút ngắn thời gian kiểm soát chi góp phần cải thiện tốc độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2020. (2) Định kỳ gửi thông tin về tình hình thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương theo quy định. (3) Báo cáo, tham mưu UBND tỉnh xử lý các chủ đầu tư chậm thực hiện thủ tục giải ngân, thanh toán kế hoạch vốn và có trách nhiệm xử lý thu hồi số dư nợ tạm ứng quá hạn theo quy định. (4) Tăng cường kỷ luật, chất lượng công tác tổng hợp báo cáo, thực hiện nhập đầy đủ ngay khi có phát sinh thanh toán, đáp ứng kịp thời, chính xác số liệu báo cáo để phục vụ tốt công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp lãnh đạo.

Các Sở xây dựng chuyên ngành, các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai ngay Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Nghị định số 68/2019/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình để đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, tạo điều kiện để triển khai thực hiện và giải ngân vốn cho các công trình, dự án.

UBND các huyện, thành phố, thị xã: (1) Phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh công tác kiểm kê, áp giá, bồi thường, tuyên truyền, tích cực vận động di dời, thực hiện các chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo đúng quy định,... tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nhà thầu thi công công trình, dự án đảm bảo thực hiện theo đúng tiến độ đề ra. (2) Lập kế hoạch, tiến độ thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của từng dự án để đề xuất bố trí vốn phù hợp; ưu tiên các quỹ đất đấu giá, giãn dân đã hoàn thành hạ tầng cho công tác tái định cư trên địa bàn (chỉ cho phép đấu

giá đất khi không có nhu cầu tái định cư trên địa bàn các xã); không để xảy ra tình trạng dự án được bố trí vốn nhưng chậm thực hiện trình thẩm định, phê duyệt giá bồi thường dẫn đến chậm giải ngân vốn chi trả cho người dân. (3) Phối hợp với các chủ đầu tư xác định chặt chẽ phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của từng dự án ngay từ bước lập dự án để tránh vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện. Phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội tham gia tuyên truyền vận động nhân dân trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. (4) Kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền về Sở Tài nguyên Môi trường để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý.

II. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

1. Căn cứ lập kế hoạch đầu tư công năm 2021:

Căn cứ các quy định của Luật đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6/4/2020 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8/7/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các mục tiêu, chủ trương, đường lối của Đảng, nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2021 và định hướng phát triển của địa phương.

Căn cứ dự thảo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII; các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về định hướng phát triển của địa phương.

Căn cứ tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và nhu cầu thực tiễn của tỉnh trong giai đoạn 2021-2025.

2. Nguyên tắc dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021:

* Nguyên tắc dự kiến kế hoạch 2021:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ (vốn trong nước): dự kiến bằng mức bình quân kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được Thủ tướng Chính phủ giao;

- Nguồn vốn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí: dự kiến tăng 6% mức bình quân kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được Thủ tướng Chính phủ giao;

- Các nguồn vốn ngân sách địa phương từ nguồn thu (sử dụng đất và xổ số kiến thiết): dự kiến theo khả năng thực hiện của địa phương;

- Các nguồn vốn chương trình MTQG: (1) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới dự kiến tăng 10% so với mức bình quân kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được Thủ tướng Chính phủ giao; (2) Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: dự kiến bằng năm 2020; (3) Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi dự kiến theo nhu cầu của địa phương;

- Nguồn vốn nước ngoài và nguồn bồi chi ngân sách địa phương: dự kiến theo các các hiệp định đã ký kết, hiệp định vay lại và lộ trình các dự án đang vận động.

* Trên cơ sở đó, tổng nguồn vốn đầu tư công kế hoạch 2021 của tỉnh Quảng Trị là **3.504,070 tỷ đồng**, bằng 109% so với kế hoạch 2020 được Thủ tướng Chính phủ giao và bằng 96% so với kế hoạch 2020 được HĐND tỉnh giao, trong đó:

- Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương là 1.247 tỷ đồng, bằng 80% KH 2020 được Thủ tướng Chính phủ giao và bằng 109% KH 2020 được HĐND tỉnh giao, cụ thể:

+ Ngân sách cân đối theo tiêu chí: 420 tỷ đồng⁹, bằng 101% KH 2020;

+ Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 650 tỷ đồng, bằng 130% KH 2020 được Thủ tướng Chính phủ giao và bằng 71% KH 2020 được HĐND tỉnh giao;

+ Xổ số kiến thiết: 40 tỷ đồng, bằng 100% KH 2020;

+ Bồi chi ngân sách địa phương: 137 tỷ đồng, bằng 74% KH 2020;

- Vốn ngân sách Trung ương là 2.257,07 tỷ đồng, bằng 108% KH 2020, cụ thể:

+ Trung ương hỗ trợ mục tiêu (vốn trong nước): 605,105 tỷ đồng¹⁰, bằng 114% KH 2020;

+ Chương trình MTQG: 458,928 tỷ đồng, bằng 115% KH 2020 (bao gồm Chương trình phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi dự kiến 200 tỷ đồng)

+ Vốn nước ngoài: 1.193,037 tỷ đồng, bằng 103% KH 2020.

3. Nguyên tắc dự kiến danh mục đầu tư công năm 2021 nguồn NSTW hỗ trợ (vốn trong nước):

3.1. Thanh toán nợ đọng XDCB theo quy định tại khoản 4 Điều 101 của Luật Đầu tư công:

Tổng số nợ đọng XDCB đúng quy định của Luật Đầu tư công phải xử lý trong giai đoạn 2021-2025 là 14,41 tỷ đồng¹¹. Dự kiến 2020 xử lý nợ đọng XDCB của 01 dự án là 2,8 tỷ đồng, chiếm 19,4% tổng nợ dự kiến xử lý trong giai đoạn 2021-2025.

3.2. Hoàn trả ứng trước kế hoạch:

Tổng số vốn ứng trước ngân sách Trung ương đến hết năm 2015 của tỉnh chưa bố trí hoàn trả là 383,153 tỷ đồng. Thực hiện Thông báo số 243/TB-VPCP

⁹ Tổng vốn cân đối NSDP giai đoạn 2016-2020 được Thủ tướng Chính phủ giao là 1.986,306 tỷ đồng và được phân bổ là 1.917,82 tỷ đồng, thiếu 68,468 tỷ đồng so với kế hoạch giao.

¹⁰ Tổng vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 được Thủ tướng Chính phủ giao là 3.011,928 tỷ đồng và được phân bổ là 2.473,731 tỷ đồng, thiếu 538,197 tỷ đồng so với kế hoạch giao.

¹¹ Dự án Rà phá bom mìn tỉnh Quảng Trị

ngày 23/8/2016 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ tại cuộc họp về việc ứng trước vốn đầu tư đến hết kế hoạch năm 2015 chưa bố trí nguồn để thu hồi “các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Nghệ An thu hồi 50% tổng số vốn ứng trước”. Trên cơ sở đó, ngày 17/2/2017 Bộ Kế hoạch và Đầu tư có Văn bản số 1186/BKHĐT về việc thực hiện Công điện số 226/CD-TTg dự kiến kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 thu hồi các khoản ứng trước của tỉnh là 194,077 tỷ đồng. Số vốn ứng trước ngân sách Trung ương còn lại chưa cân đối thu hồi trong giai đoạn 2016-2020 là 189,076 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, do tổng vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 Trung ương bố trí thiếu so với kế hoạch trung hạn được Thủ tướng Chính phủ giao nên số vốn bố trí thu hồi ứng trước ngân sách Trung ương trong kế hoạch 2016 -2020 là 182,125 tỷ đồng. Số vốn đã giao thu hồi ứng trước nhưng chưa bố trí trong giai đoạn 2016 - 2020 là 11,952 tỷ đồng sẽ được tiếp tục bố trí thu hồi trong giai đoạn 2021 - 2025.

Như vậy, số vốn ứng trước NSTW đến hết năm 2015 chưa bố trí hoàn trả dự kiến bố trí thu hồi trong kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 là 201,028 tỷ đồng (bao gồm tổng số chưa dự kiến hoàn trả trong giai đoạn 2016-2020 là 189,076 tỷ đồng và số vốn giai đoạn 2016-2020 hoàn trả chưa đủ theo kế hoạch giao là 11,952 tỷ đồng). Dự kiến năm 2021 thu hồi ứng trước NSTW của 02 dự án là 40,279 tỷ đồng, chiếm 20% tổng số vốn dự kiến bố trí thu hồi trong giai đoạn 2021-2025.

3.3. Chuyển tiếp các dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025:

Tổng vốn NSTW kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được Trung ương giao là 3.011,928 tỷ đồng¹² và được phân bổ thực hiện là 2.473,731¹³ tỷ đồng, thiếu 538,197 tỷ đồng so với kế hoạch trung hạn giao. Nhưng có một số dự án Trung ương giao kế hoạch trung hạn cao hơn so với nhu cầu thực tế thực hiện dự án¹⁴ nên không có nhu cầu chuyển tiếp sang kế hoạch 2021-2025.

Thực hiện theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 5085/BKHĐT-TH ngày 7/8/2020 “tổng mức nhu cầu cho các dự án chuyển tiếp không vượt quá kế hoạch đầu tư đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng chính phủ giao, điều chỉnh (nếu có) trừ đi kế hoạch đầu tư công hằng năm đã được Thủ tướng Chính phủ giao, điều chỉnh (nếu có) cho các dự

¹² Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017 là 1.920,117 tỷ đồng; Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 là 634,803 tỷ đồng; Quyết định số 719/QĐ-BKHĐT ngày 16/10/2018 là 213,197 tỷ đồng; Quyết định số 349a/QĐ-TTg ngày 28/3/2019 là 52,88 tỷ đồng; Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 là 150 tỷ đồng; Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29/7/2020 là 40,931 tỷ đồng

¹³ Kế hoạch 2016 là 538,162 tỷ đồng; Kế hoạch 2017 là 507,754 tỷ đồng; Kế hoạch 2018 là 408,204 tỷ đồng; Kế hoạch 2019 là 488,28 tỷ đồng; Kế hoạch 2020 là 531,331 tỷ đồng;

¹⁴ Kè chống xói lở bảo vệ đảo Cồn Cỏ kết hợp phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh giao hoàn ứng 128,361 tỷ nhưng thực tế nhu cầu hoàn ứng của dự án là 50 tỷ đồng; Các dự án: Hoàn thiện kết cấu hạ tầng một số tuyến chính tại Khu kinh tế TMĐB Lao Bảo, Khu neo đậu tránh trú bão Cửa Việt, ... vốn trung hạn còn nhưng dự án đã hoàn thành, không có nhu cầu bố trí tiếp.

án” nên các dự án chuyển tiếp chỉ dự kiến nhu cầu kế hoạch 2021-2025 bằng với số vốn giai đoạn 2016-2020 giao thiếu; phần vốn thiếu so với tổng mức đầu tư sẽ thực hiện rà soát tái cấu trúc dự án, chọn điểm dừng kỹ thuật, giãn tiến độ sau năm 2021. Do đó, nhu cầu chuyển tiếp của các dự án theo đúng hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư là 407,761 tỷ đồng (của 21 dự án thực hiện trong kế hoạch 2016-2020 chưa hoàn thành, bao gồm 15 tỷ đồng vốn đối ứng ODA của Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông thực hiện điều chỉnh giảm kế hoạch 2020).

Bên cạnh đó, một số dự án ODA đã bố trí đủ vốn đối ứng NSTW theo kế hoạch 2016-2020 được giao nhưng không giải ngân được do vướng mắc thủ tục với nhà tài trợ và Hiệp định dự án vẫn còn hiệu lực nên tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2021-2025¹⁵. Do đó, nhu cầu chuyển tiếp vốn đối ứng của các dự án ODA (ngoài nhóm dự án chuyển tiếp theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư) là 166,278 tỷ đồng (của 04 dự án ODA, trong đó có dự án Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông thiếu 4,5 tỷ).

Như vậy, nhu cầu chuyển tiếp của các dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025 là 574,039 tỷ đồng. Kế hoạch năm 2021 có: (1) dự kiến hoàn thành năm 2021 của 21 dự án với số vốn 284,179 tỷ đồng, (2) dự kiến chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021 là 6 dự án với số vốn 130,347 tỷ đồng.

3.4. Khởi công mới năm 2021:

- Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, mới bố trí vốn cho các dự án khởi công mới có tính chất liên vùng, giao thông cấp bách, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, xử lý sạt lở, bờ sông, bờ biển, an ninh nguồn nước, biến đổi khí hậu, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia đã được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư và các dự án thuộc lĩnh vực đã được quy định tại Nghị quyết 973/2020/UBTVQH ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Thứ tự ưu tiên bố trí vốn cho các dự án khởi công mới: Căn cứ Nghị quyết 973/2020/UBTVQH ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; căn cứ tình hình thực tiễn của tỉnh; dự kiến thứ tự lựa chọn các dự án ưu tiên khởi công mới là:

- Các dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã được Thủ tướng phê duyệt nhưng chưa được bố trí để thực hiện,

- Các dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư nhưng chưa được bố trí vốn để thực hiện,

- Các dự án đã có trong các Nghị quyết của HĐND tỉnh nhưng chưa được triển khai thực hiện,

¹⁵ Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông, Dự án cấp nước xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng, Dự án cấp nước xã Vĩnh Long, Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, Nâng cấp cơ sở vật chất ngành y tế tỉnh Quảng Trị

- Các dự án đã được định hướng đầu tư trong các Nghị quyết của Tỉnh ủy và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII,

- Các dự án tái cấu trúc,

- Các dự án khác đã được lãnh đạo tỉnh đồng ý cho lập chủ trương đầu tư.

Theo đó, dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021 khởi công mới 14 dự án với số vốn 144,0 tỷ đồng và chuẩn bị đầu tư 07 dự án với số vốn 3,5 tỷ đồng.

(Có hệ thống biểu mẫu chi tiết kèm theo)

Trên đây là Báo cáo kế hoạch đầu tư công năm 2021 của tỉnh Quảng Trị, UBND tỉnh kính trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (15 bản)
- Bộ Tài chính (03 bản);
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ: NN&PTNT, GTVT, XD, CT, TN&MT, KHCN, QP, CA, YT, LĐ-TB&XH, VH-TT&DL, GD-ĐT, TT-TT, UBNDT;
- TV. Tỉnh ủy (b/cáo);
- TT. HĐND tỉnh (b/cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (05 bản);
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hưng

Biểu số 1

ƯỚC TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Nguồn vốn | Năm 2020 | | | Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Nhu cầu kế hoạch năm 2021 | Dự kiến kế hoạch năm 2021 | Ghi chú |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|---------|
| | | Kế hoạch | Giải ngân từ 1/1/2020 đến 31/7/2020 | Ước giải ngân từ 1/1/2020 đến 31/12/2020 | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| | TỔNG SỐ | 3,643,973 | 1,229,130 | 3,066,024 | 16,681,656 | 3,504,070 | 3,504,070 | |
| 1 | Vốn NSNN | 3,643,973 | 1,229,130 | 3,066,024 | 16,681,656 | 3,504,070 | 3,504,070 | |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | | | | |
| a) | Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương | 1,559,100 | 660,751 | 1,265,100 | 6,405,484 | 1,247,000 | 1,247,000 | |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | | | | |
| - | Ngân sách cân đối theo tiêu chí | 415,100 | 241,851 | 415,100 | 2,105,484 | 420,000 | 420,000 | |
| - | Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất | 920,000 | 400,000 | 810,000 | 3,300,000 | 650,000 | 650,000 | |
| - | Xổ số kiến thiết | 40,000 | 18,900 | 40,000 | 200,000 | 40,000 | 40,000 | |
| - | Bội chi ngân sách địa phương | 184,000 | | | 800,000 | 137,000 | 137,000 | |
| b) | Vốn ngân sách trung ương | 2,084,873 | 568,379 | 1,800,924 | 10,276,172 | 2,257,070 | 2,257,070 | |
| - | Trung ương hỗ trợ mục tiêu (vốn trong nước) | 531,331 | 191,166 | 531,331 | 4,078,249 | 605,105 | 605,105 | |
| - | Chương trình MTQG | 397,755 | 180,879 | 397,755 | 2,294,640 | 458,928 | 458,928 | |
| + | <i>Giảm nghèo bền vững</i> | 98,735 | 58,281 | 98,735 | 500,000 | 100,000 | 100,000 | |
| + | <i>Phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i> | | | | 1,000,000 | 200,000 | 200,000 | |
| + | <i>Xây dựng nông thôn mới</i> | 299,020 | 122,598 | 299,020 | 794,640 | 158,928 | 158,928 | |
| - | Vốn nước ngoài | 1,155,787 | 196,334 | 871,838 | 3,903,283 | 1,193,037 | 1,193,037 | |
| 2 | Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật | | | | | | | |

Biểu số II
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Danh mục dự án | Địa điểm XD | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư | | | | Năm 2020 | | | | Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020 | | Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | | | | Dự kiến kế hoạch 2021 | | | | Ghi chú | | |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------|--------------------------------|----------------|-------------------------------------|----------------|------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------|------------------|----------------|---------------------------------|--------------------------------|--------------------|---------------|--------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | | | | Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành | TMDT | | Kế hoạch | | Giải ngân từ 1/1/2020 đến 31/7/2020 | | Ước giải ngân từ 1/1/2020 đến 31/12/2020 | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | Trong đó: NSTW | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | Tổng số | Thu hồi các khoản vốn ứng trước | | Thanh toán nợ XDCB | Tổng số | | Thu hồi các khoản vốn ứng trước | Thanh toán nợ XDCB |
| | | | | | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | |
| | TỔNG SỐ | | | | | 11,709,571 | 4,736,455 | 1,001,527 | 369,112 | 158,782 | 110,309 | 733,136 | 369,112 | 2,937,612 | 1,014,108 | 6,200,164 | 3,984,041 | 38,079 | 14,410 | 1,326,996 | 605,105 | 40,279 | 2,800 | | |
| 1 | Quốc phòng | | | | | 1,388,931 | 1,274,978 | 24,771 | 24,771 | 10,133 | 10,133 | 24,771 | 24,771 | 78,997 | 64,771 | 328,607 | 327,261 | 0 | 14,410 | 86,742 | 85,396 | 2,200 | 2,800 | | |
| | <i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| - | Rà phá bom mìn tỉnh Quảng Trị | Toàn tỉnh | | | 1789/QĐ-UBND 20/9/2010 | 983,810 | 885,429 | | | | | | | | | 14,410 | 14,410 | | 14,410 | 5,000 | 5,000 | 2,200 | 2,800 | Nợ đọng XDCB trước ngày 1/1/2015 | |
| | <i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| - | Rà phá bom mìn vật nổ phục vụ tái định cư huyện Triệu Phong và huyện Hải Lăng | HL, TP | 722 ha | 2017-2020 | 2258/QĐ-UBND 18/8/2017 | 49,847 | 34,275 | 11,226 | 11,226 | 133 | 133 | 11,226 | 11,226 | 35,452 | 21,226 | 14,395 | 13,049 | | | 14,395 | 13,049 | | | | Dự án hoàn thành theo TMDT |
| | <i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| - | Kè chống xói lở đảo Cồn Cỏ | Cồn Cỏ | 750 m | 2018-2020 | 310/QĐ-UBND 23/10/2018 | 119,274 | 119,274 | 13,545 | 13,545 | 10,000 | 10,000 | 13,545 | 13,545 | 43,545 | 43,545 | 63,802 | 63,802 | | | 37,347 | 37,347 | | | | Dự án bố trí KH 2019, 2020 |
| | <i>Các dự án khởi công mới năm 2021</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| - | Đường GTBG nối các trạm kiểm soát Biên phòng Xã Heng, A Dơi, Pa Roi, Xy, huyện Hướng Hóa | Hướng Hóa | 25,4 km | 21-24 | 2669/QĐ-UBND 27/10/2016 | 90,000 | 90,000 | | | | | | | | | 90,000 | 90,000 | | | 10,000 | 10,000 | | | | Được Bộ KHĐT thẩm định nguồn vốn giai đoạn 2016-2020 tại VB số 518/BKHDR-QPAN ngày 22/1/2020 |
| - | Doanh trại hải đội dân quân thường trực và bến cập tàu của hải đội | Gio Linh | | 21-24 | | 146,000 | 146,000 | | | | | | | | | 146,000 | 146,000 | | | 20,000 | 20,000 | | | | 357-KL.TU ngày 3/7/2020 kết luận của Thường trực Tỉnh ủy về thực hiện đề án xây dựng dân quân thường trực tham gia bảo vệ vùng biển đảo trong tình hình mới |
| 2 | An ninh và trật tự, an toàn xã hội | | | | | 70,000 | 70,000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 70,000 | 70,000 | 0 | 0 | 15,000 | 15,000 | 0 | 0 | | |
| | <i>Các dự án khởi công mới năm 2021</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| - | Xây dựng doanh trại Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ các địa phương | Toàn tỉnh | | 21-24 | | 70,000 | 70,000 | | | | | | | | | 70,000 | 70,000 | | | 15,000 | 15,000 | | | | |
| 3 | Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp | | | | | 195,100 | 85,259 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 195,100 | 85,259 | 0 | 0 | 8,000 | 8,000 | 0 | 0 | | |
| | <i>Các dự án khởi công mới năm 2021</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| - | Xóa phòng học tạm, phòng học mượn và cải tạo nâng cấp các trường dân tộc nội trú, bán trú trên địa bàn tỉnh | Toàn tỉnh | | 21-24 | | 195,100 | 85,259 | | | | | | | | | 195,100 | 85,259 | | | 8,000 | 8,000 | | | | |
| | <i>Khoa học, công nghệ</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Y tế, dân số và gia đình | | | | | 223,707 | 164,406 | 18,000 | 0 | 0 | 0 | 11,000 | 0 | 16,111 | 2,066 | 206,496 | 162,841 | 0 | 0 | 66,496 | 22,841 | 0 | 0 | | |
| | <i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| - | Nâng cấp cơ sở vật chất ngành y tế | Toàn tỉnh | | 16-21 | 2241/QĐ-UBND ngày 28/10/2011; 152/QĐ-UBND ngày 30/01/2013; 1194/QĐ-UBND ngày 31/5/2018, 707/QĐ-TTg | 73,707 | 14,406 | 18,000 | | | | 11,000 | | 16,111 | 2,066 | 56,496 | 12,841 | | | 56,496 | 12,841 | | | | Đổi ứng ODA Nhu cầu theo rà soát của Sở Y tế tại VB số 1128/SYT-KHTC ngày 5/8/2020 |
| | <i>Các dự án khởi công mới năm 2021</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| - | Đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế tuyến tỉnh - Hạng mục: Trung tâm tâm thần kinh và hệ thống thiết bị xạ trị | Đông Hà | | 21-24 | | 150,000 | 150,000 | | | | | | | | | 150,000 | 150,000 | | | 10,000 | 10,000 | | | | Được Bộ KHĐT thẩm định nguồn vốn giai đoạn 2016-2020 tại VB số 9036/BC-BKHĐT ngày 28/10/2016 |
| 5 | Văn hóa, thông tin | | | | | 45,000 | 45,000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 83,079 | 83,079 | 38,079 | 0 | 48,079 | 48,079 | 38,079 | 0 | | |
| | <i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| - | Quảng trường nhà văn hóa trung tâm tỉnh | Đông Hà | | | | | | | | | | | | | | 38,079 | 38,079 | 38,079 | | 38,079 | 38,079 | 38,079 | | | Hoàn trả ứng trước NSTW trước năm 2015 |
| | <i>Các dự án khởi công mới năm 2021</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| TT | Danh mục dự án | Địa điểm XD | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư | | | | Năm 2020 | | | | | | Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020 | Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | | | | | Dự kiến kế hoạch 2021 | | | | Ghi chú | | | | |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------|--------------------------------|----------------|-------------------------------------|----------------|------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------|----------------|--------------------------------|------------------|--------------------------------|----------------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------|--------------------|--|--|
| | | | | | Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành | TMDT | | Kế hoạch | | Giải ngân từ 1/1/2020 đến 31/7/2020 | | Ước giải ngân từ 1/1/2020 đến 31/12/2020 | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | | Trong đó: NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | | |
| | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | Tổng số | Trong đó: | | | | | | | | | Tổng số | Trong đó: | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | Thu hồi các khoản vốn ứng trước | | | | | | | | | | Thanh toán nợ XDCB | Thu hồi các khoản vốn ứng trước | | | Thanh toán nợ XDCB | | |
| | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | | | | | |
| - | Bảo tồn, tôn tạo di tích Khu lưu niệm TBT Lê Duẩn (Gd2) | Triệu Phong | | 21-24 | 435/2016/NQ-HĐND ngày 24/10/2016 | 45,000 | 45,000 | | | | | | | | | 45,000 | 45,000 | | | 10,000 | 10,000 | | | Đã được bố trí vốn chuẩn bị đầu tư từ nguồn NSTW trong kế hoạch 2016-2020 Bộ KHĐT thẩm định nguồn vốn giai đoạn 2016-2020 tại VB số 5057/BC-BKHĐT | | | | | |
| 6 | Các hoạt động kinh tế | | | | | 9,786,833 | 3,096,812 | 958,756 | 344,341 | 148,649 | 100,176 | 697,365 | 344,341 | 2,842,504 | 947,271 | 5,316,882 | 3,255,601 | 0 | 0 | 1,102,679 | 425,789 | 0 | 0 | | | | | | |
| 6.1 | Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản | | | | | 447,534 | 400,697 | 100,263 | 100,263 | 13,451 | 13,451 | 100,263 | 100,263 | 179,935 | 179,935 | 125,000 | 125,000 | 0 | 0 | 70,000 | 70,000 | 0 | 0 | | | | | | |
| | <i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| - | Đường lâm nghiệp phục vụ sản xuất vùng nguyên liệu tập trung, phát triển trồng rừng thâm canh cây gỗ lớn và PCCR giai đoạn 2016-2020 tỉnh Quảng Trị | HH, VL, GL, TP, HL, ĐK | | 2016-2021 | 2097/QĐ-UBND 1/9/2016 | 60,000 | 60,000 | 3,000 | 3,000 | | | 3,000 | 3,000 | 25,000 | 25,000 | 2,000 | 2,000 | | | 2,000 | 2,000 | | | Hoàn thành phần vốn NSTW. Phần còn thiếu thuộc trách nhiệm của các chủ đầu tư bố trí thực hiện dự án | | | | | |
| - | Dự án phát triển cơ sở hạ tầng các vùng nuôi thủy sản tập trung tỉnh Quảng Trị | TP, GL, HL, ĐH, HH | 421,4 ha | 2016-2021 | 2385/QĐ-UBND 30/10/2015 2111/QĐ-UBND 5/9/2016 | 117,420 | 90,000 | 11,718 | 11,718 | 1,719 | 1,719 | 11,718 | 11,718 | 37,935 | 37,935 | 20,000 | 20,000 | | | 20,000 | 20,000 | | | Tái cấu trúc và hoàn thành năm 2021 | | | | | |
| - | Nâng cấp, củng cố, sửa chữa hệ thống đê biển tỉnh Quảng Trị | VL, GL, TP | 23,15 km | 2016-2021 | 639/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 | 80,000 | 80,000 | 25,545 | 25,545 | 8,000 | 8,000 | 25,545 | 25,545 | 57,000 | 57,000 | 3,000 | 3,000 | | | 3,000 | 3,000 | | | Tái cấu trúc và hoàn thành năm 2021 | | | | | |
| | <i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| - | Xây dựng cơ sở hạ tầng các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao vùng đông bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Trị | Hướng Hóa | 20km | 2017-2020 | 1901/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 | 80,114 | 60,697 | 15,000 | 15,000 | 3,732 | 3,732 | 15,000 | 15,000 | 15,000 | 15,000 | 35,000 | 35,000 | | | 10,000 | 10,000 | | | Tái cấu trúc và hoàn thành sau năm 2021 | | | | | |
| - | Khắc phục sạt lở đê biển Vĩnh Thái | VL, QT | 4 km | 2020-2022 | 05/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 | 50,000 | 50,000 | 25,000 | 25,000 | | | 25,000 | 25,000 | 25,000 | 25,000 | 25,000 | 25,000 | | | 15,000 | 15,000 | | | Hoàn thành dự án năm 2022 | | | | | |
| - | Sửa chữa khẩn cấp kè biển Vĩnh Mốc, Vĩnh Thạch, Vĩnh Linh | VL, QT | 1,6 km | 2020-2022 | 03/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 | 30,000 | 30,000 | 10,000 | 10,000 | | | 10,000 | 10,000 | 10,000 | 10,000 | 20,000 | 20,000 | | | 10,000 | 10,000 | | | Hoàn thành dự án năm 2022 | | | | | |
| - | Sửa chữa khẩn cấp kè biển Cửa Việt | GL, QT | 4 km | 2020-2022 | 04/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 | 30,000 | 30,000 | 10,000 | 10,000 | | | 10,000 | 10,000 | 10,000 | 10,000 | 20,000 | 20,000 | | | 10,000 | 10,000 | | | Hoàn thành dự án năm 2022 | | | | | |
| 6.2 | Giao thông | | | | | 8,512,881 | 1,991,548 | 724,407 | 110,992 | 74,509 | 27,036 | 463,016 | 110,992 | 2,271,348 | 400,557 | 4,910,168 | 2,881,866 | 0 | 0 | 876,479 | 224,184 | 0 | 0 | | | | | | |
| | <i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| - | Đường nối trung tâm xã Vĩnh Long với các xã miền Tây và miền Đông huyện Vĩnh Linh đến Quốc lộ 1 | Vĩnh Linh | 12km | 19-21 | 2259/QĐ-UBND 18/8/2017 | 81,281 | 45,000 | 15,992 | 15,992 | 3,634 | 3,634 | 15,992 | 15,992 | 26,492 | 26,492 | 18,508 | 18,508 | | | 18,508 | 18,508 | | | Tái cấu trúc và hoàn thành năm 2021 | | | | | |
| - | Đường Ngô Quyền, Cầu quy Thiện và đoạn còn lại Đường Xuân - Quy - Vĩnh | Hải Lăng | 10,619 km | 18-21 | 1902/QĐ-UBND 12/8/2016 | 82,779 | 81,000 | 14,000 | 14,000 | 6,597 | 6,597 | 14,000 | 14,000 | 64,265 | 61,265 | 9,735 | 9,735 | | | 9,735 | 9,735 | | | Hoàn thành dự án năm 2021 | | | | | |
| - | Đường nối đầu cầu An Mô vào Khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn | Triệu Phong | 7,09 km | 19-21 | 2498/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 | 74,000 | 66,600 | 25,000 | 25,000 | 9,139 | 9,139 | 25,000 | 25,000 | 55,000 | 55,000 | 11,600 | 11,600 | | | 11,600 | 11,600 | | | Hoàn thành dự án năm 2021 | | | | | |
| - | Đường từ thị trấn Gio Linh đến các xã phía Nam huyện Gio Linh | Gio Linh | 5,2 km | 19-21 | 1905/QĐ-UBND 12/8/2016 | 80,761 | 60,000 | 4,000 | 4,000 | 699 | 699 | 4,000 | 4,000 | 29,000 | 29,000 | 21,461 | 21,461 | | | 21,461 | 21,461 | | | Tái cấu trúc và hoàn thành năm 2021 | | | | | |
| - | Đường liên xã Đakrông - Mò Ó - Triệu Nguyên - Ba Lòng, huyện Đakrông. | Đakrông | 20,3 km | 17-21 | 1934/QĐ-UBND 15/8/2016 | 135,000 | 135,000 | | | | | | | 39,000 | 1,000 | 25,880 | 25,880 | | | 25,880 | 25,880 | | | Chọn điểm dừng kỹ thuật và hoàn thành năm 2021 | | | | | |
| - | Đường nối từ cầu Thạch Hãn đến trung tâm phường An Đôn, thị xã Quảng Trị | TP, QT | | 19-21 | | 80,000 | 30,000 | 10,000 | 10,000 | | | 10,000 | 10,000 | 20,000 | 20,000 | 10,000 | 10,000 | | | 10,000 | 10,000 | | | Phần vốn NSTW hoàn thành năm 2021; Phần vốn NSDP giãn tiến độ sau năm 2021 | | | | | |
| - | Đường biên giới Khe Sanh-Sa Trầm | Hướng Hóa | 3980 m | 20-23 | 2219/QĐ-UBND ngày 11/8/2020 | 23,000 | 20,000 | 9,000 | 9,000 | | | 9,000 | 9,000 | 9,000 | 9,000 | 11,000 | 11,000 | | | 11,000 | 11,000 | | | Hoàn thành dự án năm 2021 | | | | | |
| - | Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiêu vùng sông Mê Kông | ĐH, HH | | 13-21 | 2830/QĐ-UBND ngày 04/11/2016; 1073/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 | 2,446,067 | 219,766 | 586,391 | 33,000 | 54,440 | 6,967 | 333,000 | 33,000 | 1,976,567 | 198,800 | 469,500 | 19,500 | | | 469,500 | 19,500 | | | Dự án ODA | | | | | |
| | <i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| - | Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Quảng Trị | TP, HL, GL, VL, CL, ĐK, HH | 3 HP | 18-23 | 2293/TTg-HTQT ngày 20/12/2016; 998/QĐ-UBND ngày 15/5/2017; 1134/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 | 998,152 | 136,075 | 60,024 | | | | 52,024 | | 52,024 | | 577,544 | 136,075 | | | 192,515 | 48,000 | | | Dự án ODA | | | | | |
| | <i>Các dự án khởi công mới năm 2021</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| TT | Danh mục dự án | Địa điểm XD | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư | | | | Năm 2020 | | | | Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020 | | Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | | | | | Dự kiến kế hoạch 2021 | | | | | Ghi chú |
|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------|--------------------------------|----------------|-------------------------------------|----------------|------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------|----------------|-----------|----------|--------------------------------|----------------|----------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| | | | | | Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành | TMDT | | Kế hoạch | | Giải ngân từ 1/1/2020 đến 31/7/2020 | | Ước giải ngân từ 1/1/2020 đến 31/12/2020 | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | Tổng số | Trong đó: | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | Tổng số | Trong đó: | | |
| Thanh toán nợ XDCB | Thu hồi các khoản vốn ứng trước | Thanh toán nợ XDCB | Thu hồi các khoản vốn ứng trước | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | |
| - | Đường giao thông nối QL9 đến khu chế biến thủy sản Cửa Việt và các xã vùng Đông Gio Linh, huyện Gio Linh (giai đoạn 2) | Gio Linh | 7550m | 20-22 | | 70,373 | 48,000 | | | | | | | | | 48,000 | 48,000 | | | 10,000 | 10,000 | | | | |
| - | Hạ tầng kỹ thuật phục vụ giải phóng mặt bằng để mở rộng cảng Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị | Gio Linh | | 2021-2025 | | 80,000 | 80,000 | | | | | | | | | 80,000 | 80,000 | | | 10,000 | 10,000 | | | | |
| - | Đường Trần Nguyên Hân, TP Đông Hà | Đông Hà | | 2021-2025 | | 120,000 | 110,000 | | | | | | | | | 120,000 | 110,000 | | | 15,000 | 15,000 | | | | |
| - | Tuyến đường nối trung tâm thành phố Đông Hà đến đường ven biển phía nam cầu Cửa Việt | Đông Hà Triệu Phong | | 21-26 | | 1,600,000 | 200,000 | | | | | | | | | 1,600,000 | 1,600,000 | | | 500 | 500 | | | Chuẩn bị đầu tư dự án | |
| - | Đường Võ Văn Kiệt (nối tuyến tránh quốc lộ 1A với di tích quốc gia đặc biệt Thành Cổ) | Quảng Trị | | 21-24 | | 100,000 | 80,000 | | | | | | | | | 100,000 | 100,000 | | | 500 | 500 | | | Chuẩn bị đầu tư dự án UBND tỉnh có văn bản số 881/UBND-CN ngày 6/3/2020 về việc đề nghị hỗ trợ kinh phí vượt thu ngân sách năm 2019 | |
| - | Đường kết nối trung tâm huyện Vĩnh Linh đến các xã ven biển | Vĩnh Linh | | 2021-2024 | | 100,000 | 80,000 | | | | | | | | | 100,000 | 80,000 | | | 500 | 500 | | | Chuẩn bị đầu tư dự án Xử lý nhu cầu cấp thiết của địa phương | |
| - | Đường giao thông kết nối thị trấn Ái Tử với các xã phía Tây huyện Triệu Phong | Triệu Phong | | 2021-2024 | | 100,000 | 80,000 | | | | | | | | | 100,000 | 80,000 | | | 500 | 500 | | | Chuẩn bị đầu tư dự án Xử lý nhu cầu cấp thiết của địa phương | |
| - | Đường giao thông kết nối dân sinh, dân dân, phát triển sản xuất phía Bắc huyện Cam Lộ | Cam Lộ | | 2021-2024 | | 100,000 | 80,000 | | | | | | | | | 100,000 | 80,000 | | | 500 | 500 | | | Chuẩn bị đầu tư dự án Xử lý nhu cầu cấp thiết của địa phương | |
| - | Đường kết nối các điểm du lịch huyện Hướng Hóa | Hướng Hóa | | 2021-2024 | | 100,000 | 80,000 | | | | | | | | | 100,000 | 80,000 | | | 500 | 500 | | | Xử lý nhu cầu cấp thiết của địa phương | |
| - | Cầu Cầu Nhi - Hải Tân và đường hai đầu cầu, huyện Hải Lăng | Hải Lăng | | 2021-2025 | | 85,000 | 80,000 | | | | | | | | | 85,000 | 80,000 | | | 500 | 500 | | | Cầu đã xuống cấp nghiêm trọng, không đảm bảo an toàn cho các phương tiện đi trên cầu, do đó cần sớm đầu tư | |
| - | Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số - (CRIEM), tỉnh Quảng Trị | | | 21-24 | | 921,698 | 108,190 | | | | | | | | | 598,099 | 108,190 | | | 50,000 | 5,000 | | | Dự án ODA Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 của HĐND tỉnh Quảng Trị. Đang hoàn thiện CTĐT theo văn bản số 4723/BKHĐT-KTĐN ngày 23/7/2020 | |
| - | Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng tới tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu, tiểu dự án Đông Hà | Đông Hà | | 21-24 | | 1,134,770 | 171,917 | | | | | | | | | 723,841 | 171,917 | | | 17,780 | 5,000 | | | Dự án ODA Đang hoàn thiện CTĐT theo văn bản số 4759/BKHĐT-KTĐN ngày 23/7/2020 | |
| 6.3 | Khu công nghiệp và khu kinh tế | | | | | 668,527 | 607,472 | 132,486 | 132,486 | 59,689 | 59,689 | 132,486 | 132,486 | 355,484 | 355,484 | 165,523 | 165,523 | 0 | 0 | 95,523 | 95,523 | 0 | 0 | | |
| | <i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| - | San nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại khu vực trung tâm cửa khẩu quốc tế La Lay | Đakrông | | 16-21 | 2353/QĐ-UBND 30/10/2015 1783/QĐ-UBND 29/7/2016 630/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 | 102,866 | 79,072 | 18,000 | 18,000 | | | 18,000 | 18,000 | 78,998 | 78,998 | 74 | 74 | | | 74 | 74 | | | Tái cấu trúc và hoàn thành năm 2021 | |
| - | Khu tái định cư xã Hải An (giai đoạn 1) | Hải Lăng | San nền; đường giao thông; đường điện | 2017-2021 | 2943/QĐ-UBND 30/10/2017 | 71,990 | 64,400 | 25,774 | 25,774 | 7,140 | 7,140 | 25,774 | 25,774 | 55,774 | 55,774 | 8,626 | 8,626 | | | 8,626 | 8,626 | | | Hoàn thành dự án năm 2021 | |
| - | Khu tái định cư Hải Khê và đường vào khu tái định cư (giai đoạn 1) | Hải Lăng | 50 ha | 2018-2021 | 2942/QĐ-UBND 30/10/2017 | 298,671 | 269,000 | 78,712 | 78,712 | 52,549 | 52,549 | 78,712 | 78,712 | 210,712 | 210,712 | 56,823 | 56,823 | | | 56,823 | 56,823 | | | Hoàn thành dự án năm 2021 | |
| - | Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị (giai đoạn 1) | Hải Lăng | | 2020-2024 | 32/NQ-HĐND ngày 06/6/2020 | 110,000 | 110,000 | 10,000 | 10,000 | | | 10,000 | 10,000 | 10,000 | 10,000 | 15,000 | 15,000 | | | 15,000 | 15,000 | | | Hoàn thành dự án năm 2021 | |
| | <i>Các dự án khởi công mới năm 2021</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| - | Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị (giai đoạn 2) | Hải Lăng | | 2020-2024 | | 85,000 | 85,000 | | | | | | | | | 85,000 | 85,000 | | | 15,000 | 15,000 | | | | |
| 6.4 | Cấp nước, thoát nước | | | | | 44,815 | 25,577 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 17,262 | 10,195 | 20,990 | 12,882 | 0 | 0 | 22,298 | 12,882 | 0 | 0 | | |

| TT | Dan h mục dự án | Địa đi ểm XD | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư | | | | Năm 2020 | | | | Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020 | | Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | | | | | Dự kiến kế hoạch 2021 | | | | | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------------|-----------------|----------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------|--------------------------------|----------------|-------------------------------------|----------------|------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------|----------------|----------------|---------------------------------|-----------------------|--------------------------------|----------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| | | | | | Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành | TMDT | | Kế hoạch | | Giải ngân từ 1/1/2020 đến 31/7/2020 | | Ước giải ngân từ 1/1/2020 đến 31/12/2020 | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | Trong đó: NSTW | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | Tổng số | Thu hồi các khoản vốn ứng trước | Thanh toán nợ XDCB | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Tổng số | Thu hồi các khoản vốn ứng trước | Thanh toán nợ XDCB | |
| | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | |
| | Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| - | Dự án cấp nước xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng | Hải Lăng | 2000 m3/ngày đêm | 2012-2016 | 640/QĐ-UBND ngày 8/4/2011; 100/QĐ-UBND ngày 23/01/2013 | 30,807 | 19,077 | | | | | | | 14,115 | 5,846 | 16,692 | 10,731 | | | 18,000 | 10,731 | | | Dự án ODA | |
| - | Dự án cấp nước xã Vĩnh Long, Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh | Vĩnh Linh | 2000 m3/ngày đêm | 2012-2016 | 1224/QĐ-UBND ngày 13/7/2010; 1013/QĐ-UBND ngày 28/5/2014 | 14,008 | 6,500 | | | | | | | 3,147 | 4,349 | 4,298 | 2,151 | | | 4,298 | 2,151 | | | Dự án ODA | |
| 6.5 | Kho tàng | | | | | 45,775 | 38,630 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 500 | 500 | 45,275 | 38,130 | 0 | 0 | 10,000 | 10,000 | 0 | 0 | | |
| | Các dự án khởi công mới năm 2021 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| - | Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 1) | Đông Hà | | 21-24 | 1911/QĐ-UBND 15/8/2016 | 45,775 | 38,630 | | | | | | | 500 | 500 | 45,275 | 38,130 | | | 10,000 | 10,000 | | | Đã được bố trí vốn chuẩn bị đầu tư từ nguồn NSTW trong kế hoạch 2016-2020 Bộ KHĐT thẩm định nguồn vốn giai đoạn 2016-2020 tại VB số 11/BKĐT-KTDV ngày 4/1/2016 | |
| 6.6 | Công nghệ thông tin | | | | | 46,922 | 27,000 | 1,000 | 0 | 1,000 | 0 | 1,000 | 0 | 17,375 | 0 | 29,547 | 27,000 | 0 | 0 | 10,000 | 10,000 | 0 | 0 | | |
| | Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| - | Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị | Đông Hà | Thiết bị | 18-22 | 2782/QĐ-UBND 31/10/2017 | 46,922 | 27,000 | 1,000 | | 1,000 | | 1,000 | | 17,375 | | 29,547 | 27,000 | | | 10,000 | 10,000 | | | Được Bộ KHĐT thẩm định nguồn vốn giai đoạn 2016-2020 tại VB số 2223/BC-BKHĐT ngày 29/3/2016 | |
| 6.7 | Hỗ trợ doanh nghiệp | | | | | 20,379 | 5,888 | 600 | 600 | 0 | 0 | 600 | 600 | 600 | 600 | 20,379 | 5,200 | 0 | 0 | 18,379 | 3,200 | 0 | 0 | | |
| | Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| - | Xây dựng trang trại Sơn Tây | Vĩnh Linh | 250 lợn nái; 2000 lợn thịt | 20-21 | | 17,379 | 2,888 | 600 | 600 | | | | | 600 | 600 | 17,379 | 2,200 | - | | 17,379 | 2,200 | | | Điểm d Khoản 2 Điều 17 Nghị định 210/203/NĐ-CP | |
| | Các dự án khởi công mới năm 2021 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| - | Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ, phân bón NPK, phân bón lá Sông Gianh và khai thác than bùn tại Quảng Trị | Hải Lăng | 24.500 tấn/năm | 21-22 | | 3,000 | 3,000 | | | | | | | | | 3,000 | 3,000 | | | 1,000 | 1,000 | | | Điểm d Khoản 2 Điều 17 Nghị định 210/203/NĐ-CP | |

Biểu số III
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2020

1280746
-87709

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Danh mục dự án | Mã dự án | Nhà tài trợ | Ngày ký kết hiệp định | Ngày kết thúc Hiệp định | Quyết định đầu tư | | | | | | | | | | Năm 2020 | | | | | | | | | | Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | | | | | | Dự kiến KH năm 2021 | | | | | | Ghi chú |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------------|-----------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|---------------------------------|-----------|-----------|-----------|---------|-------------------------------------------|---------------------------|-------------------|-------------------------------------------|---------------------------|---------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|---------|-------------------------------------------|---------------------------|-----------|-------------------------------------------------|---------------------------|-----------|-------------------------------------------|---------------------------|-------------------|-------------------------------------------|---------------------------|--|--|--|--|---------|
| | | | | | | TMDT | | | | | | | | | | Kế hoạch | | | | | Giải ngân kế hoạch năm 2020 từ 1/1/2020 | | | | | Ước giải ngân kế hoạch năm 2020 từ | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | Trong đó: | | | | | | | | | | Trong đó: | | | | | Trong đó: | | | | | Trong đó: | | | | | Trong đó: | | | | | | | |
| | | | | | | Vốn đối ứng | | | Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) | | | | | | | Vốn đối ứng nguồn | | | | | Vốn đối ứng nguồn | | | | | Vốn đối ứng nguồn | | | | | Vốn đối ứng nguồn | | | | | | | |
| | | | | | | Tổng số | Trong đó: vốn NSTW | Tính bằng nguyên tệ | Quy đổi ra tiền Việt | | | | Tổng số | Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước | Vốn nước ngoài (vốn NSTW) | Tổng số | Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước | Vốn nước ngoài (vốn NSTW) | Tổng số | Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước | Vốn nước ngoài (vốn NSTW) | Tổng số | Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước | Vốn nước ngoài (vốn NSTW) | Tổng số | Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước | Vốn nước ngoài (vốn NSTW) | Tổng số | Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước | Vốn nước ngoài (vốn NSTW) | Tổng số | Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước | Vốn nước ngoài (vốn NSTW) | | | | | |
| 1 | TỔNG SỐ | | | | | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | | | | | |
| | | | | | | 8.442,813 | 1.572,808 | 699,337 | 0 | 6.625,005 | 5.492,213 | 1.132,792 | 905,613 | 50,624 | 0 | 860,237 | 140,333 | 6,967 | 0 | 133,366 | 592,817 | 33,000 | 0 | 559,817 | 4.436,818 | 533,535 | 0 | 3.903,283 | 1.197,143 | 134,365 | 0 | 1.193,037 | | | | | | |
| A | CÁC DỰ ÁN ĐANG THỰC HIỆN | | | | | 5.241,217 | 979,332 | 419,230 | 0 | 4.261,885 | 3.775,562 | 486,323 | 905,613 | 50,624 | 0 | 860,237 | 140,333 | 6,967 | 0 | 133,366 | 592,817 | 33,000 | 0 | 559,817 | 2.122,930 | 181,298 | 0 | 1.941,632 | 1.052,601 | 116,629 | 0 | 1.139,901 | | | | | | |
| I | VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án hoàn thành trong năm 2021 | | | | | 3,031,603 | 528,681 | 259,749 | 0 | 2,502,922 | 2,414,072 | 88,850 | 728,218 | 50,624 | 0 | 682,842 | 106,286 | 6,967 | 0 | 99,319 | 470,451 | 33,000 | 0 | 437,451 | 786,316 | 45,223 | 0 | 741,093 | 582,387 | 45,223 | 0 | 741,093 | | | | | | |
| 1 | Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông | 7411898 | ADB | 17/1/2013 | 2021 | 2830/QĐ-UBND ngày 04/11/2016; 1073/QĐ-UBND ngày 13/5/2019; 2780/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 | 2,446,067 | 436,411 | 219,766 | | 2,009,656 | 1,961,406 | 48,250 | 586,391 | 48,000 | 0 | 538,391 | 54,440 | 6,967 | 0 | 47,473 | 333,000 | 33,000 | 0 | 300,000 | 673,429 | 19,500 | 0 | 653,929 | 469,500 | 19,500 | 0 | 653,929 | | | | | |
| 2 | Dự án cấp nước xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng | 7411939 | Italia | 21/12/2012 | 2016 | 640/QĐ-UBND ngày 8/4/2011; 100/QĐ-UBND ngày 27/01/2018 | 30,807 | 22,538 | 19,077 | | 8,269 | 8,269 | 0 | 0 | | | | | | | | | | | 18,000 | 10,731 | | 7,269 | 18,000 | 10,731 | | 7,269 | | | | | | |
| 3 | Dự án cấp nước xã Vĩnh Long, Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh | 7251532 | Italia | 15/11/2012 | 2016 | 1224/QĐ-UBND ngày 13/7/2010; 1013/QĐ-UBND ngày 28/5/2014 | 14,008 | 10,861 | 6,500 | | 3,147 | 3,147 | 0 | 0 | | | | | | | | | | | 4,298 | 2,151 | | 2,147 | 4,298 | 2,151 | | 2,147 | | | | | | |
| 4 | Dự án Phát triển giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất | | ADB | 23/01/15 | | 2178/QĐ-BGDĐT ngày 23/6/2014; 494/QĐ-UBND ngày 15/3/2016; 540/QĐ-UBND ngày 21/3/2016; 541/QĐ-UBND ngày 21/3/2016; 495/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 | 22,724 | 4,389 | 0 | | 18,335 | 18,335 | 0 | 2,624 | 0 | 0 | 2,624 | 0 | 0 | 0 | 2,624 | 0 | 0 | 0 | 2,624 | 3,754 | 0 | | 3,754 | 3,754 | 0 | | 3,754 | | | | | |
| 5 | Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP) | 7593697 | WB | 04/7/2016 | | 622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016 | 219,110 | 16,110 | | 203,000 | 162,400 | 40,600 | 76,249 | 0 | | 76,249 | 4,870 | 0 | | 4,870 | 76,249 | 0 | | 76,249 | 16,246 | 0 | | 16,246 | 16,246 | 0 | | 16,246 | | | | | | |
| 6 | Nâng cấp cơ sở vật chất ngành y tế tỉnh Quảng Trị | 7271772 | Italia | 29/7/2013 | | 2241/QĐ-UBND ngày 28/10/2011; 152/QĐ-UBND ngày 30/01/2013; 1194/QĐ-UBND ngày 31/9/2013 | 73,707 | 16,007 | 14,406 | | 57,700 | 57,700 | 0 | 18,000 | 0 | 0 | 18,000 | 0 | 0 | 0 | 11,000 | | | | 11,000 | 56,496 | 12,841 | | 43,655 | 56,496 | 12,841 | | 43,655 | | | | | |
| 7 | Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Quảng Trị (JICA) | 7363234 | JICA | 30/3/2012 | | 319/QĐ-BNN-HTQT ngày 22/02/2012; 1405/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 | 225,180 | 22,365 | 0 | | 202,815 | 202,815 | 0 | 47,578 | 0 | 0 | 47,578 | 46,976 | 0 | | 46,976 | 47,578 | 0 | 0 | 47,578 | 14,093 | 0 | | 14,093 | 14,093 | 0 | | 14,093 | | | | | |
| 2 | Danh mục các dự án hoàn thành sau năm 2020 | | | | | 2,209,614 | 450,651 | 159,481 | 0 | 1,758,963 | 1,361,490 | 397,473 | 177,395 | 0 | 0 | 177,395 | 34,047 | 0 | 0 | 34,047 | 122,366 | 0 | 0 | 122,366 | 1.336,614 | 136,075 | 0 | 1.200,539 | 470,214 | 71,406 | 0 | 398,808 | | | | | | |
| 1 | Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) | 7654883 | WB | 8/4/2016 | | 4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015; Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 20/12/2016; 2293/TTg-HTQT ngày 15/5/2017; 1134/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 | 226,710 | 11,921 | | 214,789 | 199,749 | 15,040 | 71,800 | 0 | | 71,800 | 34,047 | 0 | | 34,047 | 55,329 | 0 | | 55,329 | 108,744 | 0 | | 108,744 | 98,654 | 0 | | 98,654 | | | | | | |
| 2 | Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Quảng Trị | 7663996 | ADB | 23/7/2018 | | 998/QĐ-UBND ngày 15/5/2017; 1134/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 | 998,152 | 255,679 | 136,075 | | 742,473 | 493,493 | 248,980 | 60,024 | 0 | | 60,024 | 0 | 0 | 0 | 52,024 | 0 | | 52,024 | 577,544 | 136,075 | | 441,469 | 235,200 | 48,000 | | 187,200 | | | | | | |
| 3 | Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển | 7750871 | WB | 03/8/2018 | | 1658/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/5/2017; 1486/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 | 491,114 | 96,388 | 23,406 | | 394,726 | 359,634 | 35,092 | 6,000 | 0 | | 6,000 | 0 | 0 | 1,013 | 0 | | 1,013 | 358,621 | 0 | | 358,621 | 69,197 | 23,406 | | 45,791 | | | | | | | |
| 4 | Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Quảng Trị | 7623879 | WB | 12/23/2016 | | QĐ1236/QĐ-BTNMT ngày 30/5/2016; QĐ424/QĐ-UBND ngày 08/3/2017 | 84,478 | 14,560 | | 69,918 | 62,926 | 6,992 | 14,000 | 0 | | 14,000 | 0 | 0 | 0 | 14,000 | | | | 14,000 | 46,017 | 0 | | 46,017 | 20,000 | 0 | | 20,000 | | | | | | |
| 5 | Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở tỉnh Quảng Trị | 7768216 | WB | 2/18/2020 | | 324/QĐ-TTg ngày 23/3/2019; 1371/QĐ-BYT ngày 16/4/2019; 710/QĐ-UBND ngày 16/4/2019 | 151,049 | 31,035 | | 120,014 | 72,054 | 47,960 | 0 | | | | | | | | | | | | 72,054 | 0 | | 72,054 | 10,808 | 0 | | 10,808 | | | | | | |
| 6 | Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, giai đoạn 2 - tiểu dự án Quảng Trị | 7740197 | ADB | 6/3/2019 | | 1381/QĐ-TTg ngày 18/10/2018; 2484/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 | 258,111 | 41,068 | | 217,043 | 173,634 | 43,409 | 25,571 | 0 | | 25,571 | 0 | | | | | | | | 173,634 | 0 | | 173,634 | 36,355 | 0 | | 36,355 | | | | | | |
| B | Các dự án KCM | | | | | 3,201,596 | 593,476 | 280,107 | 0 | 2,363,120 | 1,716,651 | 646,469 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2.313,888 | 352,237 | 0 | 1.961,651 | 144,542 | 17,736 | 0 | 53,136 | | | | | | |
| I | VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC | | | | | 2,956,596 | 593,476 | 280,107 | - | 2,363,120 | 1,716,651 | 646,469 | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 2.068,888 | 352,237 | - | 1,716,651 | 144,542 | 17,736 | - | 53,136 | | | | | | |
| 1 | Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM), tỉnh Quảng Trị | | ADB | | | Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 của HĐND tỉnh Quảng Trị. Đang hoàn thiện CTĐT theo văn bản số 4723/BKHĐT-Đang hoàn thiện CTĐT theo văn bản số 4903/BKHĐT-KTĐN ngày | 921,698 | 225,400 | 108,190 | | 696,298 | 417,779 | 278,519 | | | | | | | | | | | | 598,099 | 180,320 | | 417,779 | 18,092 | 9,736 | | 8,356 | | | | | | |
| 2 | Dự án Phát triển thủy sản bền vững, vay vốn WB | | WB | | | | 575,000 | 106,650 | 0 | | 468,350 | 468,350 | | | | | | | | | | | | | 468,350 | 0 | | 468,350 | 93,670 | 0 | | 20,000 | | | | | | |

